

Bản án số: 730/2019/HC-PT

Ngày: 15 - 10 - 2019

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong quản lý đất đai về bồi
thường, hỗ trợ và tái định cư”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các thẩm phán: Ông Phan Thanh Tùng

Ông Trần Văn Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Võ Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLPT-
HC ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong
quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 1661/2018/HC-ST ngày 19 tháng 11
năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1528/2019/QĐ - PT
ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Dương Công T, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Số E3/52 ấp 6, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trịnh Ngọc Anh K,
sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Số E8/3 T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 16/8/2017, số công chứng 007217, quyền
8/2017/HĐGD-CCAL của Văn phòng Công chứng A).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B

Địa chỉ: Số 349 đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh
(vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Trần Ngọc V (có mặt)
2. Bà Hồ Ngọc H (có mặt)
3. Bà Trần Thị Thanh T1 (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị H2, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Số E3/52 ấp 6, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 24/12/2012, Sở Giao thông vận tải ban hành Quyết định 4227/QĐ-SGTVT (Quyết định 4227) về phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng kè bảo vệ bờ sông khu vực ngã 3 sông B – kênh Xáng L (gọi Dự án kênh X).

Ngày 31/7/2013 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 3904/UBND-ĐTMT (Công văn 3904) về chấp thuận địa điểm, vị trí đầu tư Dự án Lý Văn M trên địa bàn B.

Ngày 13/8/2013, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Thông báo số 206/TB-UBND (Thông báo 206) về thu hồi đất để triển khai thực hiện đầu tư xây dựng Dự án Lý Văn M.

Ngày 26/5/2014, Ủy ban Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định 2591/QĐ-UBND (Quyết định 2591) về duyệt quy hoạch sử dụng đất năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) của Ủy ban nhân dân huyện B.

Ngày 06/5/2015, Ủy ban Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn 2386/UBND-ĐTMT về tiếp tục thực hiện Dự án Lý Văn M.

Ngày 16/8/2016, Ủy ban Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4227/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 2016 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Ngày 12/4/2017, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ huyện B lập Phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án Lý Văn M số 187/PA-HĐBT.

Ngày 12/4/2017, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4930/QĐ-UBND (Quyết định 4930) về thu hồi đất của ông Dương Công T, cụ thể: Thu hồi tổng diện tích 86,6m² đất thuộc sông từ bản đồ số 16 theo tài liệu 02/CT-UB thuộc Bộ địa chính xã T. Tương ứng một phần thửa số 169, tờ bản đồ số 38 theo tài liệu đo năm 2005.

Cùng ngày 12/4/2017, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4948/QĐ-UBND (Quyết định 4948) về bồi thường, hỗ trợ cho ông T, kèm phiếu chiết tính chi phí số 16/PCT-BBT ngày 12/4/2017 của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B với số tiền 2.875.163đồng, cụ thể ông T được tính bồi thường, hỗ trợ như sau:

- Phần đất có diện tích 86,6m² có nguồn gốc là sông không bồi thường, hỗ trợ;
- Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, gồm: Dừa gáo (cho trái ổn định) 3 cây x 851.721 đồng = 2.555.163 đồng; Bần 8 cây x 40.000 đồng = 320.000 đồng.

** Tại đơn khởi kiện ngày 16/8/2017, Bản tự khai, Biên bản không tiến hành đối thoại được ngày 11/5/2018 người khởi kiện ông Dương Công T có ông Trịnh Ngọc Anh K đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông T yêu cầu hủy Quyết định 4948 của Ủy ban nhân dân huyện B với lý do:

Khu đất bị thu hồi là do ông chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn N1 theo Giấy bán đất ngày 23/6/1995, ông T sử dụng ổn định từ năm 1995 cho đến ngày bị thu hồi, không tranh chấp, không vi phạm pháp luật về đất đai.

Căn cứ Điều 82; Khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013, Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và Điều 6 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thành phố Hồ Chí Minh thì khu đất được xem là đất ở, đủ điều kiện được cấp giấy và được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Ủy ban nhân dân huyện B áp dụng pháp luật đối với trường hợp của ông T là không chính xác, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

** Tại Văn bản số 530/UBND ngày 15/03/2018, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B có ông Nguyễn Văn T5 đại diện theo ủy quyền có ý kiến như sau:*

Theo hướng dẫn ranh sử dụng của ông T thì phần đất ảnh hưởng dự án có diện tích 86,6m², thuộc đất sông theo Tài liệu 02/CT-UB tương ứng với 1 phần thửa số 169, tờ bản đồ số 38 theo Tài liệu BĐĐC, hiện trạng có một phần đất trồng diện tích 47m² và đất sông 39,6m². Theo xác nhận của Ủy ban xã T tại Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong Dự án Lý Văn M thì khu đất thuộc thửa 916 tờ bản đồ số 5 loại đất thổ tập trung ông N1 không đăng ký, ông T sử dụng từ năm 1995, hiện trạng đất tại thời điểm thu hồi là đất trồng đã sạt lở.

Căn cứ vào Phương án 187 thì phần đất có nguồn gốc là đất sông nên ông T không được bồi thường, hỗ trợ về đất. Quyết định 4948 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành là đúng quy định. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Tại Bản tự khai ngày 27/03/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H2 trình bày:*

Bà thống nhất hoàn toàn ý kiến trình bày của ông Dương Công T và không có ý kiến gì thêm. Đồng thời, bà xin vắng mặt trong suốt thời gian giải quyết vụ án.

Tại bản án hành chính sơ thẩm 1661/2018/HC-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 31, điểm a Khoản 2 Điều 116, Khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Khoản 2 Điều 28; Điều 49 và Điều 50 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2004;

Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Công T:

- Hủy 01 phần Quyết định số 4948/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Dương Công T về phần bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 86,6m² đất. (Đính kèm Phiếu chiết tính số 16/PCT-BBT ngày 12/4/2017 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện B có trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ cho ông Dương Công T diện tích đất bị thu hồi là 86,6 m² theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/12/2018 người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B Thành phố Hồ Chí Minh có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện không rút yêu cầu kháng cáo và do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Công T. Người có yêu cầu kháng cáo không nộp bổ sung thêm chứng cứ gì mới, nhưng các ông bà cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ không đúng nên dẫn đến việc phán quyết chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện là sai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện.

Phản tranh luận:

Bên có yêu cầu kháng cáo trình bày: Bảo lưu các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm và nêu lại tại đơn kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện.

Người khởi kiện trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của người bị kiện và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Xét về nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng để phán xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ đúng pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 12/4/2017, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 4948/QĐ-UBND (Quyết định 4948) về bồi thường, hỗ trợ cho ông T, kèm phiếu chiết tính chi phí số 16/PCT-BBT ngày 12/4/2017 của Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B với số tiền 2.875.163 đồng, cụ thể ông T được tính bồi thường, hỗ trợ như sau:

- Phần đất có diện tích 86,6m² có nguồn gốc là sông không bồi thường, hỗ trợ;
- Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, gồm: Dừa gáo (cho trái ổn định) 3 cây x 851.721 đồng = 2.555.163 đồng; 8 cây bần x 40.000 đồng = 320.000 đồng.

Ông T yêu cầu hủy Quyết định 4948 của Ủy ban nhân dân huyện B với lý do:

Khu đất bị thu hồi, là do ông chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn N1 theo Giấy bán đất ngày 23/6/1995, ông T sử dụng ổn định từ năm 1995 cho đến ngày bị thu hồi, không tranh chấp, không vi phạm pháp luật về đất đai.

Căn cứ Điều 82; Khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013, Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và Điều 6 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thành phố Hồ Chí Minh thì khu đất được xem là đất ở, đủ điều kiện được cấp giấy và được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Ủy ban nhân dân huyện B áp dụng pháp luật đối với trường hợp của ông T là không chính xác, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

[2.2] Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T và trình bày: Phần đất ảnh hưởng dự án có diện tích 86,6m², thuộc đất sông theo Tài liệu 02/CT-UB tương ứng với 1 phần thửa số 169, tờ bản đồ số 38 theo Tài liệu BĐDC, hiện trạng có một phần đất trồng diện tích 47m² và đất sông 39,6m². Theo xác nhận của Ủy ban xã T tại Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong Dự án Lý Văn M thì khu đất thuộc thửa 916 tờ bản đồ số 5 loại đất

thổ tập trung ông N không đăng ký quyền sử dụng đất, ông T sử dụng phần đất này từ năm 1995, hiện trạng đất tại thời điểm thu hồi là đất trồng đã sạt lở.

Căn cứ vào Phương án 187 thì phần đất có nguồn gốc là đất sông nên ông T không được bồi thường, hỗ trợ về đất. Quyết định 4948 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành là đúng quy định. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện B đề nghị Tòa án không chấp thuận yêu cầu khiếu kiện của ông Dương Công T.

[3] Trên cơ sở các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định :

Theo Giấy bán đất đề ngày 23/6/1995, giữa người bán ông Nguyễn Văn N1, người mua ông Dương Công T có thỏa thuận việc chuyển nhượng miếng đất có diện tích ngang 8m, dài 10m.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí của Công ty Thiết kế Xây dựng Đo đạc T6 thì phần đất có diện tích 86,6m² được thể hiện qua các thời kỳ: Theo tài liệu 02/CT-UB thuộc tờ bản đồ thứ 16 Bộ địa chính xã T, huyện B là sông. Theo tài liệu 2005 thuộc một phần thửa 169 tờ bản đồ thứ 38 Bộ địa chính xã T trong đó có loại đất V là 47,0m². Theo Quyết định 4930, Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi khu đất này của ông T để thực hiện Dự án Lý Văn M và có quyết định giao cho Ban bồi thường phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện B căn cứ nguồn gốc sử dụng đất và quá trình tạo lập tài sản gắn liền với đất để lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật.

Tại tờ tường trình nguồn gốc nhà, đất của ông T đề ngày 17/6/2016, Ủy ban xã T đã xác nhận: “...*đất do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn N1 vào năm 1995 bằng giấy tay, chưa cấp giấy chứng nhận. Theo tài liệu 299 thuộc thửa 916 tờ bản đồ số 5, loại đất thổ tập trung. Theo tài liệu 02 thể hiện là sông nhưng thực tế do ông T làm bãi cừ tràm để kinh doanh. Theo tài liệu Bản đồ địa chính thửa 169 tờ bản đồ 38...*”

Tại Công văn số 1658/UBND ngày 11/9/2018, Ủy ban nhân dân xã T đã cung cấp thông tin như sau: “... *các hộ dân tại tổ 1 ấp 4 xác định: phần đất mà ông Nguyễn Văn N1 (là chồng của bà Trần Thị H6) đã chuyển nhượng cho ông Dương Công T vào năm 1995 là do ông Trần Nhật C4 sử dụng trước năm 1975, sau đó ông C4 chết để lại cho con là Trần Thị H6... phần đất không thuộc đất sông C. Thực tế là ao nuôi cá của ông C4 canh tác sử dụng từ trước năm 1975...*”. Theo thông tin này thì diện tích 86,6m² có nguồn gốc là ao được sử dụng liên tục từ trước năm 1975, năm 1995 ông T nhận chuyển nhượng và sử dụng ổn định cho đến ngày bị thu hồi. Theo Tài liệu 299 thuộc thửa 916 tờ bản đồ số 5 loại đất Thổ tập trung, Tài liệu BĐĐC 2005 thuộc 1 phần thửa 169, tờ số 38, loại đất V. Như vậy, có cơ sở xác định diện tích 86,6m² không là đất sông. Tại Quyết định 4948, Ủy ban nhân dân huyện B xác định đất có nguồn gốc là sông nên không xem xét bồi thường, hỗ trợ cho ông T là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T.

Từ phần đánh giá nhận định nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Công T.

[4] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ khách quan phán xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Công T là có căn cứ, đúng pháp luật. Phía người bị kiện kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cấp phúc thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính,

I/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 31, điểm a Khoản 2 Điều 116, Khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Khoản 2 Điều 28; Điều 49 và Điều 50 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2004;

Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Công T:

- Hủy 01 phần Quyết định số 4948/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Dương Công T về phần bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 86,6m² đất. (Đính kèm Phiếu chiết tính số 16/PCT-BBT ngày 12/4/2017 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện B có trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ cho ông Dương Công T diện tích đất bị thu hồi là 86,6 m² theo đúng quy định pháp luật.

Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân huyện B phải nộp 300.000 đồng

- Hoàn lại cho ông Dương Công T 300.000 đồng án phí đã tạm nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0047537 ngày 28/8/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

II/ Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện B phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu số 0045957 ngày 04/01/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (1);
- Lưu (10) 18b (Án39).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên